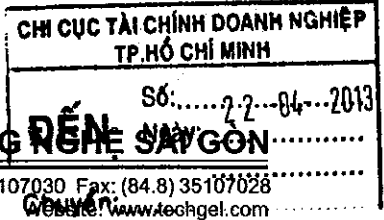




TECHGEL®

CÔNG TY CP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam Tel.: (84.8) 35107030 Fax: (84.8) 35107028
Email: techgel@techgel.com Website: www.techgel.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

NIÊN KHÓA NĂM 2012

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)





ISO 9001:2008
TUV NORD CERTIFIED

TECHGEL®

CÔNG TY CP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam Tel.: (84.8) 35107030 Fax: (84.8) 35107028
Email: techgel@techgel.com Website: www.techgel.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

NIÊN KHÓA NĂM 2012

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)



TIBCAC đã nhận 22/19/13

Handwritten signature
Hang

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN (TECHGEL)

*(Giấy Chứng nhận ĐKKD Số 0302887211 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp,
đăng ký lần đầu ngày 21/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2010)*

Tên cổ phiếu: Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn
Mã cổ phiếu: TGL
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành: 4.000.000 cổ phiếu.
Tổng giá trị lưu hành: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*).

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (84.4) 3 928 8080
Fax: (84.4) 3 928 9888

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt

Trụ sở: 02 Huỳnh Khương Ninh, quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (84.8) 3 910 5401
Fax: (84.8) 3 910 5402

MỤC LỤC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn
- Tên viết tắt : TECHGEL
- Tên Tiếng Anh : SAIGON TECHNOLOGIES, INC
- Biểu tượng Công ty :  **TECHGEL**

- Giấy Chứng nhận ĐKKD : Số 0302887211 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2010
- Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ : 30 Phan Chu Trinh, P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Điện thoại : (84.8) 35107030
- Fax: : (84.8) 35107028
- Email : techgel@techgel.com
- Website : www.techgel.com
- Mã cổ phiếu : TGL

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn (tên giao dịch là TECHGEL) tiền thân là Xí nghiệp Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn được thành lập năm 1999 tại Việt Nam thuộc Công ty Điện máy và Kỹ thuật Công nghệ (Gelimex), Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương mại) với số vốn ban đầu 400.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*) là vốn vay từ Gelimex.

Đến đầu năm 2003, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Xí nghiệp Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn và đổi tên thành Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn vào ngày 06/01/2003 (theo Quyết định số 0015/2003/QĐ-BTM), đồng thời tăng vốn lên 2.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

Vào năm 2007, nhằm mở rộng quy mô kinh doanh, ĐHCĐ thường niên đã quyết định tăng vốn lên 80 tỷ đồng theo nhiều giai đoạn và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM. Từ năm 2007 đến cuối năm 2008, TECHGEL đã phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu và CBCNV tăng vốn góp lên 28 tỷ đồng. Đến cuối năm 2009, Công ty đã phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược gồm Ngân hàng TMCP Việt Á, Công ty CP Chứng khoán Dầu Khí, Công ty CP Quản lý Quỹ Thành Việt, Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2 tăng vốn góp lên 40 tỷ đồng và dự kiến tiếp tục tăng vốn thực góp lên 60 tỷ đồng trong năm 2013.

Theo kế hoạch mở rộng quy mô kinh doanh, TECHGEL đã thành lập Trung tâm kinh doanh TEKOM vào năm 2008, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn (SINTEC) vào đầu năm 2010 và thành lập mới công ty con là Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn Hà Nội trong năm 2012.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Các nhóm ngành sản xuất chính của Công ty bao gồm:

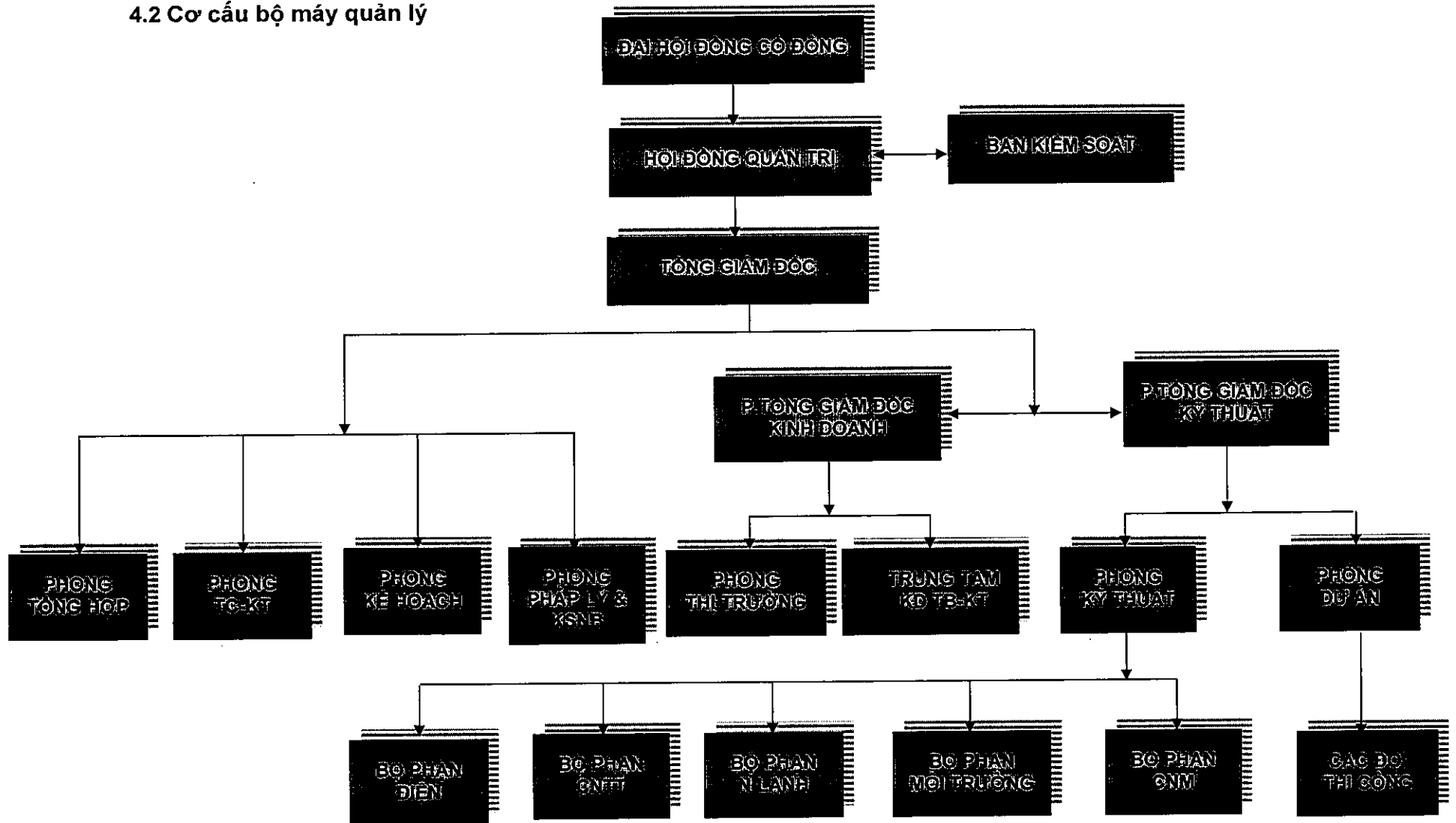
- ❖ Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, chuyển giao công nghệ trọn gói hoặc từng phần theo hình thức EPC (thiết kế, cung cấp, lắp đặt), BOT (xây dựng, vận hành, chuyển giao), BT (xây dựng, chuyển giao),... trong các lĩnh vực:
 - Dây chuyền sản xuất công nghiệp;
 - Truyền tải và phân phối điện;
 - Nhiệt lạnh;
 - Điện tử; Tự động hóa; Công nghệ thông tin;
 - Cấp, thoát nước;
 - Xử lý môi trường;
 - Xây dựng công nghiệp, cơ sở hạ tầng (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng biển, sân bay...
- ❖ Tư vấn, giám sát, thẩm định, kiểm định, đào tạo trong các lĩnh vực hoạt động trên.
- ❖ Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các công trình công ích và bất động sản.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty

Mô hình quản trị Công ty được thực hiện bởi Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và dựa trên các quy chế quản trị rủi ro được xây dựng trên cơ sở pháp luật, quy định hiện hành mà Công ty là đối tượng áp dụng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



4.3 Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty con

- Tên Công ty: Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn Hà Nội.
- Địa chỉ: Số 9 ngõ 125, phố Trung Kính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và chuyển giao công nghệ trọn gói hoặc từng phần theo hình thức EPC, BOT, ... trong các lĩnh vực dây chuyền sản xuất công nghiệp; truyền tải và phân phối điện; nhiệt lạnh; điện tử, tự động hoá, công nghệ thông tin; cấp, thoát nước; xử lý môi trường; xây dựng công nghiệp, cơ sở hạ tầng,...

- Công ty liên kết

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn.
- Địa chỉ: 95 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, TP. HCM.
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng; kinh doanh bất động sản; lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát cho các công trình dân dụng và công nghiệp; lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, thoát nước xử lý nước thải; thương mại; ...

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả để mở rộng quy mô kinh doanh.
- Thành lập các công ty chuyên ngành để nâng cao tính độc lập và năng lực cạnh tranh của Công ty như công ty xây dựng và kinh doanh bất động sản, công ty tư vấn thiết kế công nghệ, công ty cơ điện lạnh.
- Đầu tư, xây dựng mới trụ sở làm việc tại Khu đất 30 Phan Chu Trinh để tương xứng với tiềm năng của TECHGEL trong hiện tại và tương lai.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

a. Thành lập công ty

Đến cuối năm 2012 và năm 2013 sẽ nâng tổng số công ty con 3 công ty và 1 công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

- Công ty con: Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn Hà Nội (TECHGEN) đã thành lập tháng 8/2012 và đang hoạt động;
- Giải thể chi nhánh - Trung tâm Thiết bị Kỹ thuật Sài Gòn (TEKCOM) để thành lập công ty con tại Đà Nẵng dự kiến trong quý 2 năm 2013;
- Công ty con: Thành lập Công ty tại Mỹ do TECHGEL chiếm cổ phần chi phối. Thời gian thành lập trước tháng 4 năm 2014;
- Công ty liên doanh, liên kết: Công ty CP Đầu tư & Kỹ thuật Sài Gòn (SINTEC) đã thành lập và đang hoạt động từ năm 2010.

b. Tăng vốn

Dự kiến tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 sẽ tăng vốn thực góp từ 40 tỉ đồng lên thành 60 tỉ đồng, sau đó sẽ có kế hoạch niêm yết Cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội trong năm 2013.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đối với môi trường: Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường theo pháp luật của Nhà nước hiện hành.
- Đối với xã hội và cộng đồng: Công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đem lại lợi ích thiết thực cho Công ty và cho cộng đồng xã hội.

6. Các rủi ro

- Rủi ro về thị trường và nguồn huy động vốn: Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của rủi ro về thị trường khi có sự thay đổi về chính sách vĩ mô, đầu tư của xã hội không giữ được tốc độ phát triển, đồng thời chi phí sử dụng vốn tăng cao và sự gia tăng lãi suất tín dụng của hệ thống ngân hàng.
- Các biện pháp hạn chế rủi ro:

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Số TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2012	Kế hoạch 2012 điều chỉnh	Thực hiện 2012	Tỉ lệ TH/KH
1	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	250.000.000.000	200.000.000.000	211.163.706.610	102,13%
2	Lợi nhuận trước thuế	25.000.000.000	6.000.000.000	6.634.174.870	110,56%
3	Vốn thực góp	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	100%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Vốn CP bình quân	62,50%	15%	16,59 %	110.60%
5	Nộp Ngân sách	10.000.000.000	10.000.000.000	2.743.824.261	27,43%
6	Thu nhập bình quân	11.000.000	11.000.000	11.400.000	109%
7	Trích quỹ	2.062.500.000	495.000.000	543.770.500	109,85%
8	Tỷ lệ Cổ tức dự kiến	15%	10%	10%	100%

2. Tổ chức và nhân sự**2.1 Ông Đặng Công Ngôn - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Giới tính: nam
- Số CMND: 024 424 983 Ngày cấp: 06/07/2005 Nơi cấp: CA TP. HCM
- Ngày tháng năm sinh: 28/02/1958 Nơi sinh: TP. Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 38 Huỳnh Tịnh Của, P. 8, Q. 3, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 35107030
- Trình độ văn hoá: Đại học Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

Trước năm 1992	Phó Giám đốc, Giám đốc Cty Kỹ thuật Thủy sản Đà Nẵng
Từ năm 1993-1997	Phó TGD thứ 1 Cty Liên doanh BBI (Việt Nam – Hoa Kỳ)
Từ năm 1998-1999	Chuyên viên - UBND TP. Đà Nẵng
Tháng 10/1999 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn
- Số cổ phần nắm giữ: 829.922 Cổ phần (*Tám trăm hai mươi chín ngàn chín trăm hai mươi hai cổ phần*)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 829.922 Cổ phần
+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: không

2.2 Ông Nguyễn Ngọc Danh - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: nam
- Số CMND: 271 049 272 Ngày cấp: 03/03/1989 Nơi cấp: CA tỉnh Đồng Nai
- Ngày tháng năm sinh: 10/09/1974 Nơi sinh: Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú: Ấp 7, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 35107030
- Trình độ văn hoá: Đại học Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt lạnh
- Quá trình công tác:

Tháng 10/1999- tháng 10/2012	Nhân viên kỹ thuật; Trưởng phòng nhiệt lạnh; Trưởng phòng Kỹ thuật – Công nghệ Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn
Tháng 10/2012 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

- Số cổ phần nắm giữ: 16.936 Cổ phần (*Mười sáu ngàn chín trăm ba mươi sáu cổ phần*)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 16.936 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: không

2.3 Ông Đoàn Tường Vinh – Kế toán trưởng

- Giới tính: nam
- Số CMND: 225 037 396 Ngày cấp: 02/04/2003 Nơi cấp: CA tỉnh Khánh Hoà
- Ngày tháng năm sinh: 19/12/1976 Nơi sinh: Khánh Hoà
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Khánh Hoà
- Địa chỉ thường trú: 20/21/2B Núi Thành, P.13, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 35107030
- Trình độ văn hoá: Đại học Trình độ chuyên môn: Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:

Tháng 10/1999- tháng 05/2012	Nhân viên kế toán/ Phó phòng Kế toán Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn
Tháng 05/2012 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

- Số cổ phần nắm giữ: 28.079 Cổ phần (*Hai mươi tám ngàn không trăm bảy mươi chín cổ phần*)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 28.079 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: không

2.4 Ông Hà Thúc Hải – Trưởng phòng Kỹ thuật

- Giới tính: nam
- Số CMND: 022 874 958 Ngày cấp: 24/06/1997 Nơi cấp: CA TP. HCM
- Ngày tháng năm sinh: 14/07/1975 Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 13/4A Huỳnh Tấn Phát, Q.7, TP. HCM

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 35107030
- Trình độ văn hoá: Đại học Trình độ chuyên môn: Công nghệ thông tin
- Quá trình công tác:

Năm 1998-2000	Công tác tại Công ty TNHH C.P
Năm 2000 đến nay	Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

- Số cổ phần nắm giữ: 16.779 Cổ phần (*Mười sáu ngàn bảy trăm bảy mươi chín cổ phần*)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 16.779 Cổ phần
+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: không

2.5 Ông Văn Quý Ngọc Khoa – Trưởng phòng Thị trường

- Giới tính: nam
- Số CMND: 024 509 970 Ngày cấp: 25/05/2006 Nơi cấp: CA TP. HCM
- Ngày tháng năm sinh: 27/08/1976 Nơi sinh: TP. Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 501B/1 Lũy Bán Bích, P.18, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 35107030
- Trình độ văn hoá: Đại học Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

Tháng 03/1999- tháng 02/2002	Công tác tại Công ty TNHH TM Mỹ Phương
Tháng 03/2002 đến nay	Nhân viên kỹ thuật, Trưởng phòng Điện, Nhân viên Phòng thị trường, Trưởng phòng Thị trường Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

- Số cổ phần nắm giữ: 64.066 CP (*Sáu mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi sáu cổ phần*)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 64.066 Cổ phần
+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: không

2.6 Ông Huỳnh Hữu Lộc – Trưởng Ban quản lý các dự án

- Giới tính: nam
- Số CMND: 024 891 572 Ngày cấp: 19/02/2008 Nơi cấp: CA TP. HCM
- Ngày tháng năm sinh: 05/03/1979 Nơi sinh: TP. Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 368/902C CMT8, P.4, Q. Tân Bình, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 35107030
- Trình độ văn hoá: Đại học Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Năm 2005-2006	Phó Giám đốc, Công ty TNHH SX TM Cáp điện Thuận Phát
Năm 2006 đến nay	Phụ trách kế hoạch dự án Công ty; Trưởng Ban quản lý các dự án Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

- Số cổ phần nắm giữ: 11.000 Cổ phần (*Mười một ngàn cổ phần*)
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 11.000 Cổ phần
+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: không

2.7 Ông Lê Văn Thảo – Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính

- Giới tính: nam
- Số CMND: 191 514 059 Ngày cấp: 27/07/1999 Nơi cấp: CA tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1983 Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: xã Lộc Bổn, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 35107030
- Trình độ văn hoá: Đại học Trình độ chuyên môn: Luật học
- Quá trình công tác:

Tháng 02/2009- tháng 12/2012	Phụ trách công tác kế hoạch Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn
Tháng 01/2013 đến nay	Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn

- **Những thay đổi trong ban điều hành**

Ngày 10/11/2012 HĐQT ban hành Quyết định số 06/2012/QĐ-TECHGEL về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Danh, Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật – Dự án của Công ty kể từ ngày 15/11/2012.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên**

- Tổng số.CBCNV : 94 người
Trong đó : Nam 85 người; Nữ 9 người
- Trình độ văn hoá
 - Đại học và cao đẳng : 86 người
 - Trung cấp và THPT : 06 người
 - Tốt nghiệp THCS : 02 người

- **Chính sách đối với người lao động**

- Xây dựng các qui chế quản lý, áp dụng qui trình quản lý, qui trình làm việc, hướng dẫn, qui định để quản lý các đơn vị thành viên TECHGEN, hoạt động hiệu quả, đào tạo đội ngũ kế cận cho TECHGEL;
- “Con người có tâm có tầm là nhân tố quyết định sự phát triển bền vững, lâu dài của Công ty” do đó phải xây dựng môi trường tốt nhất để con người cống hiến nhiều nhất, ưu tiên việc trả lương phù hợp hiệu quả công việc, phát hành cổ phiếu ưu đãi, có chính sách khen thưởng phúc lợi để thu hút nhân lực có trình độ và tâm huyết xây dựng Công ty;
- Đào tạo lại cán bộ (đủ tâm, đủ tầm) và nhân viên hiện có trong thời gian nhất định để phù hợp yêu cầu phát triển hiện tại của Công ty. Về công tác tuyển dụng, phải đảm bảo chất lượng và năng lực theo đúng yêu cầu hiện nay (cam kết phục vụ lâu dài, đạt năng lực kỹ thuật, ngoại ngữ chuyên ngành đạt yêu cầu công việc);

b. Các công ty con, công ty liên kết

b1. Công ty con

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn Hà Nội (TECHGEN) như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	
3	Doanh thu thuần	
4	Giá vốn hàng bán	
5	Lợi nhuận gộp	
6	Doanh thu tài chính	12.549
7	Chi phí tài chính	
8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý DN	117.336.021
10	Lợi nhuận thuần	(117.323.472)
11	Thu nhập khác	
12	Chi phí khác	
13	Lợi nhuận khác	
14	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(117.323.472)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(117.323.472)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	

b2. Công ty liên kết

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn (SINTEC) như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.195.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	
3	Doanh thu thuần	
4	Giá vốn hàng bán	
5	Lợi nhuận gộp	65.195.000
6	Doanh thu tài chính	7.861.376
7	Chi phí tài chính	
8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý DN	2.009.270.616
10	Lợi nhuận thuần	(1.936.214.240)
11	Thu nhập khác	170.500.000
12	Chi phí khác	
13	Lợi nhuận khác	170.500.000
14	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.765.714.240)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.765.714.240)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	

Nguyên nhân:

- Chưa tìm được TGD điều hành, HĐQT tạm thời bổ trí ông Đặng Đình Long điều hành kinh doanh nhưng năng lực còn hạn chế, không độc lập tìm việc và giải quyết được công việc theo chỉ tiêu của HĐQT giao.
- Vẫn chưa hoàn tất công tác xin phép xây dựng Chung cư thu nhập thấp tại Hóc Môn của SINTEC do vướng một số thủ tục pháp lý.

- Tình hình thị trường Bất động sản không ổn định, chính sách của Nhà nước chủ trương hạn chế đầu tư Bất động sản và lãi suất ngân hàng quá cao dẫn đến nhiều rủi ro cho đầu tư.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	292.835.425.106	296.091.591.851	+1,11
2	Doanh thu thuần	183.828.281.868	210.079.690.925	+14,28
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	590.498.491	8.360.102.616	+1.315,77
4	Lợi nhuận khác	8.335.043.762	(1.725.927.746)	
5	Lợi nhuận trước thuế	8.925.542.253	6.634.174.870	-25,67
6	Lợi nhuận sau thuế	7.531.053.700	5.437.704.997	-27,80
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	10%	-33,33

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,05	1,04
	- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,96	0,97
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản (lần)	0,71	0,70
	- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,44	2,28
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) (lần)	1,26	1,04
	- Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng tài sản) (lần)	0,63	0,71
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần (%)	4,1	2,59
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	8,85	6,03
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản (%)	2,57	184
	- Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần (%)	0,32	3,98

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu (đến 31/12/2012)
a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 4.000.000 cổ phần
- Cổ phần đang lưu hành: 3.977.790 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 22.210 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.977.790 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không

b. Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn (4 cổ đông): chiếm 50,45% cổ phần
- Cổ đông tổ chức (3 tổ chức): chiếm 16,37 cổ phần
- Cổ đông cá nhân (97 cổ đông): chiếm 33,18 cổ phần

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: Trong năm không có phát sinh
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ
 - Cổ phiếu quỹ hiện tại: 22.210 cổ phiếu
 - Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: kTrong năm hông có phát sinh
- e. Các chứng khoán khác: Trong năm không có phát sinh

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2012 điều chỉnh	Thực hiện 2012	Tỉ lệ TH/KH
1	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	200.0000.000.000	211.163.706.610	105,58%
2	Lợi nhuận trước thuế	6.000.000.000	6.634.174.870	110,57%
3	Vốn thực góp	40.000.000.000	40.000.000.000	100%
4	Thu nhập bình quân	11.000.000	11.354.000	103,22%
5	Trích quỹ	495.000.000	543.770.500	109,85%
6	Tỷ lệ Cổ tức dự kiến	10%	10%	100%

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Tổng tài sản hiện có của Công ty tại ngày 01/01/2012 là: 292.835.425.106 đồng.
- Tổng tài sản hiện có của Công ty tại ngày 31/12/2012 là: 296.091.591.851 đồng.
- Tổng tài sản đến thời điểm 31/12/2012 tăng so với đầu kỳ chủ yếu là do tăng các khoản phải thu ngắn hạn. Số cuối năm là: 165.721.710.040 đồng, số đầu năm là: 141.876.555.058 đồng, tăng tương đương 23.845.154.982 đồng.
- Tổng tài sản của Công ty bao gồm Tài sản ngắn hạn (TSNH) và Tài sản dài hạn (TSDH). Trong đó, TSNH có giá trị: 189.172.732.238 đồng, chiếm 63,89%/ Tổng tài sản và TSDH có giá trị 106.918.859.613 đồng, chiếm 36,11%/ Tổng tài sản. Tỷ lệ giữa TSNH và TSDH là 1,77.

- Hiệu quả sử dụng tài sản

Chỉ số ROA = Lãi ròng/Tổng tài sản = 1,84%

- Nợ phải thu có giá trị là 157.351.052.526 đồng, chiếm tỉ lệ 94,95%/ TSNH và 53,14%/ Tổng tài sản.

b. Tình hình nợ phải trả

Tổng số nợ phải trả cuối kỳ có giá trị 205.924.926.159 đồng, chiếm 69,55%/ Tổng nguồn vốn, giảm 1,39% tương ứng giảm 1.80.985.567 đồng so với đầu kỳ (01/01/2012). Tỷ lệ này tương đối cao do Công ty vay chủ yếu để phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư tài sản cố định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cải tiến các qui chế, qui trình quản lý, qui trình làm việc, các hướng dẫn, qui định để quản lý các công ty con, công ty liên kết của TECHGEL sau này hoạt động có hiệu quả, đạt Kế hoạch theo các phương án kinh doanh được duyệt;
- Xây dựng mục tiêu xem con người là động lực duy nhất để phát triển Công ty. Tiếp tục phát hành Cổ phiếu ưu đãi, tăng thu nhập, khen thưởng để thu hút nhân lực có trình độ và tâm huyết xây dựng Công ty;
- Đào tạo cán bộ quản lý hiện có, nâng cao trách nhiệm. Tăng cường công tác tuyển dụng bổ sung nhân sự có chất lượng;
- Hoàn thiện và ban hành áp dụng Qui trình Đánh giá hiệu quả công việc nhằm tạo sự công bằng và khuyến khích người lao động tâm huyết với Công ty;
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp; chăm lo con người thành động lực, phát triển của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Mục tiêu

- Trong năm 2013 đề nghị HĐQT Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư

và Kỹ thuật Sài Gòn (Sintec) bổ sung ngành nghề phù hợp với chiến lược phát triển, thay thế TGD, tăng cường nhân sự, củng cố quy trình và đầu tư trang thiết bị để triển khai trực tiếp thi công mang lại hiệu quả thiết thực;

- Tiếp tục thành lập thêm một công ty con tại Đà Nẵng để nâng số lượng công ty con là 02 đơn vị trực thuộc để mở rộng mạng lưới tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước;
- Thành lập một công ty cổ phần ở Mỹ chuyên kinh doanh thiết bị kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, đào tạo và xuất khẩu lao động vào thời điểm trước tháng 4/2014;
- Hoàn tất thu hồi nợ Dự án Cấp tàu thủy Miền Trung hoặc chuyển số nợ qua hình thức đầu tư các TSCĐ do Công ty Xây lắp và Công nghiệp Tàu thủy Miền Trung nắm giữ.

4.2 Biện pháp thực hiện trong công tác đầu tư

- Đối với Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn (SINTEC): Củng cố hoạt động và phát triển kinh doanh để kết quả hoạt động kinh doanh có lãi. Quyết tâm tăng cường nhân sự, vốn và tạo điều kiện để Công ty SINTEC triển khai đúng kế hoạch SX-KD;
- Đối với các công ty trực thuộc: Hoàn thiện nhân sự, cơ cấu để các đơn vị thành viên hoạt động hiệu quả, góp phần mở rộng thị trường trong cả nước, tiến tới việc cổ phần hóa tài thời điểm thích hợp;
- Chuẩn bị phương án kinh doanh và nhân sự để thành lập doanh nghiệp tại nước ngoài trong năm 2013.

4.3 Công tác tăng vốn góp

- Dự kiến tăng vốn thực góp từ 40 tỷ lên 60 tỷ trong năm 2013, đề xuất ĐHCĐ thường niên 2013 ủy nhiệm cho HĐQT xây dựng phương án triển khai thực hiện.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến

IV. Quản trị Công ty**1. Hội đồng quản trị****a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Đặng Công Ngôn	CT HĐQT	829.922	20,67%	TV điều hành
2	Phạm Thành Đẹp	Phó CT HĐQT			TV điều hành
3	Đoàn Tường Vinh	Thành viên HĐQT	28.079	0,70%	TV điều hành
4	Đặng Công Cường	Thành viên HĐQT	435.357	10,93%	TV không điều hành
5	Phạm Thái Bình	Thành viên HĐQT			TV độc lập
6	Văn Quý Ngọc Khoa	Thành viên HĐQT	64.066	1,6%	TV không điều hành

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: HĐQT chưa xây dựng các tiểu ban thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) trong năm 2012 đã tiến hành họp tổng cộng 14 cuộc họp với nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

- Biên bản số 01/2012/BB-HĐQT ngày 07/4/2012 về việc họp HĐQT bầu các chức danh Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2016 với kết quả:
 - Ông Đặng Công Ngôn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
 - Ông Phạm Thành Đẹp giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT
 - Ông Phạm Thái Bình giữ chức vụ Thành viên HĐQT
 - Ông Đặng Công Cường giữ chức vụ Thành viên HĐQT
 - Ông Đoàn Tường Vinh giữ chức vụ Thành viên HĐQT
 - Ông Văn Quý Ngọc Khoa giữ chức vụ Thành viên HĐQT

- Biên bản số 02/2012/BB-HĐQT ngày 07/4/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại một tổ chức tín dụng với kết quả:
 - HĐQT thống nhất việc vay vốn ngắn hạn tại một tổ chức tín dụng với tổng các khoản vay (dư nợ) có giá trị không quá 300.000.000.000 đồng, không bao gồm các hạn mức bảo lãnh.
 - HĐQT giao Ông Đặng Công Ngôn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện HĐQT của Công ty ký kết các thủ tục vay vốn, thế chấp, hợp đồng tín dụng ngắn hạn, bảo lãnh, tín dụng thư, ... với các tổ chức tín dụng.
- Biên bản số 03/2012/BB-HĐQT ngày 07/4/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc điều chỉnh mức lương của Tổng Giám đốc với kết quả:
 - HĐQT thông qua điều chỉnh mức lương mới của Tổng Giám đốc từ mức 40.000.000 đồng/ tháng tăng lên mức 50.000.000 đồng/ tháng.
 - Thời gian áp dụng từ kỳ lương tháng 4/2012.
- Biên bản số 04/2012/BB-HĐQT ngày 09/4/2012 về việc họp HĐQT đánh giá tổ chức Đại hội và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.
- Biên bản số 05/2012/BB-HĐQT ngày 12/4/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc xin hạn mức tín dụng và thế chấp tài sản tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Định với kết quả:
 - HĐQT thống nhất dùng Tài sản bất động sản là thửa đất tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP. HCM thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn và tài sản Nhà và đất tại 95 Điện Biên Phủ phường Đa Kao, quận 1, TP. HCM để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng BIDV.
 - HĐQT giao Ông Đặng Công Ngôn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện HĐQT của Công ty ký kết các thủ tục vay vốn, thế chấp, hợp đồng tín dụng ngắn hạn, bảo lãnh, tín dụng thư, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn... với Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Định.
- Biên bản số 06/2012/BB-HĐQT ngày 12/4/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc phân công trách nhiệm của các thành viên HĐQT với kết quả:

- Ông Đặng Công Ngôn, Chủ tịch HĐQT phụ trách chung các hoạt động chiến lược của HĐQT.
 - Ông Phạm Thành Đẹp, Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách công tác dự án và đối ngoại.
 - Ông Phạm Thái Bình, Thành viên HĐQT phụ trách công tác huy động nguồn vốn và chứng khoán.
 - Ông Đặng Công Cường, Thành viên HĐQT phụ trách công tác lưu trữ, hậu cần và thông tin liên lạc.
 - Ông Đoàn Tường Vinh, Thành viên HĐQT phụ trách công tác đầu tư và tài chính.
 - Ông Văn Quý Ngọc Khoa, Thành viên HĐQT phụ trách công tác nhân sự và thị trường.
- Biên bản số 07/2012/BB-HĐQT ngày 02/5/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Hoàng Sơn và bổ nhiệm Ông Đoàn Tường Vinh, Thành viên HĐQT giữ chức vụ quyền Kế toán trưởng Công ty.
- Biên bản số 08/2012/BB-HĐQT ngày 14/5/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc xin hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Á với kết quả:
- HĐQT thống nhất đề nghị Ngân hàng TMCP Việt Á xem xét cấp tín dụng năm 2012 cho Công ty là 124,4 tỷ đồng, bao gồm hạn mức cho vay dài hạn là 24,4 tỷ đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn là 70 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 30 tỷ đồng.
 - HĐQT giao Ông Đặng Công Ngôn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện HĐQT của Công ty ký kết các thủ tục vay vốn, thế chấp, hợp đồng tín dụng ngắn hạn, bảo lãnh, tín dụng thư, ... với Ngân hàng TMCP Việt Á.
- Biên bản số 09/2012/BB-HĐQT ngày 17/7/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc xin hạn mức tín dụng và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải với kết quả:

- Biên bản số 13/2012/BB-HĐQT ngày 15/11/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc xin hạn mức tín dụng và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP An Bình với kết quả:
 - HĐQT thống nhất đề nghị Ngân hàng TMCP An Bình xem xét cấp hạn mức tín dụng, hạn mức bảo lãnh với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng và mượn Tài sản của Ông Đặng Công Cường (Thành viên HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hồng Linh để thế chấp vay vốn, phát hành bảo lãnh, mở L/C tại Ngân hàng TMCP An Bình.
 - HĐQT giao Ông Đặng Công Ngôn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện HĐQT của Công ty ký kết các thủ tục vay vốn, thế chấp, hợp đồng tín dụng ngắn hạn, bảo lãnh, tín dụng thư,... với Ngân hàng TMCP An Bình.
- Biên bản số 14/2012/BB-HĐQT ngày 01/12/2012 về việc họp HĐQT thông qua việc xin phát hành chứng thư bảo lãnh các loại tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Định với kết quả:
 - HĐQT thống nhất đề nghị Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Định xem xét phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, để thực hiện Dự án Nhà máy xử lý nước thải phía Nam TP. Nha Trang và Dự án Đầu tư Xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao.
 - HĐQT giao Ông Đặng Công Ngôn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện HĐQT của Công ty ký kết các thủ tục vay vốn, thế chấp, hợp đồng tín dụng ngắn hạn, bảo lãnh, tín dụng thư, ... với Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Gia Định.
- d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Thành viên này hầu như không tham gia hoạt động HĐQT, chưa có đóng góp cụ thể cho sự phát triển của Công ty trong năm 2012.
- e. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trong HĐQT.
- f. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản lý Công ty Ông Đoàn Tường Vinh – Thành viên HĐQT: chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng, chứng chỉ đào tạo CEO.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao HĐQT/BKS	Tổng cộng
1	Hội đồng quản trị/ Ban Giám đốc					
	Đặng Công Ngôn	Chủ tịch HĐQT- kiêm TGD	570.000.000	101.800.000	52.200.000	724.000.000
	Phạm Thành Đệp	Phó Chủ tịch HĐQT- kiêm P. TGD	292.742.000	53.785.000	34.500.000	381.027.000
	Đoàn Tường Vinh	Thành viên HĐQT- kiêm Kế toán trưởng	165.524.722	48.080.000	25.800.000	239.404.722
	Nguyễn Ngọc Danh	Phó TGD	231.215.375	50.167.000		281.382.375
	Đặng Công Cường	Thành viên HĐQT	117.784.000	32.016.000	25.800.000	175.600.000
	Văn Quý Ngọc Khoa	Thành viên HĐQT	197.228.200	44.920.000	10.200.000	252.348.200
	Phạm Thái Bình	Thành viên HĐQT			10.200.000	10.200.000
2	Ban Kiểm soát					
	Huỳnh Hữu Lộc	Trưởng Ban	220.294.300	45.251.000	25.800.000	291.345.300
	Nguyễn Hoài Vũ	Thành viên	174.540.092	43.043.000	15.900.000	233.483.092
	Nguyễn Thu Hương	Thành viên	82.912.551	24.011.000	6.300.000	113.223.551

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Ngày 10/02/2012 Ông Huỳnh Hữu Lộc, Thành viên HĐQT chuyển nhượng 10.000 cổ phiếu cho Cổ đông là Bà Lê Thị Thương là Mẹ của Ông Văn Quý Ngọc Khoa, Thành viên HĐQT là người có liên quan.

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ
Công ty không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty
Trong năm 2012, Công ty không có những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

V. Báo cáo tài chính

Số: 0160/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2012, từ trang 6 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Tại ngày hợp nhất Báo cáo tài chính, Chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn (Công ty liên kết). Vì vậy, số liệu hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận theo số Công ty cung cấp, số liệu này có thể thay đổi hoặc bị ảnh hưởng khi Công ty có được Báo cáo kiểm toán của Công ty liên kết.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013



[Handwritten signature]

VŨ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

[Handwritten signature]

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		189.233.405.766	185.732.500.496
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.643.509.643	21.708.602.138
Tiền	111	V.1	1.643.509.643	21.708.602.138
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165.721.710.040	141.876.555.058
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	157.351.052.526	131.447.661.534
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	6.088.012.060	9.948.893.524
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.282.645.454	480.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		13.442.404.873	15.310.341.209
Hàng tồn kho	141	V.5	13.442.404.873	15.310.341.209
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.425.781.210	6.837.002.091
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.382.500	18.817.791
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.194.321	708.945.812
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	425.340.132
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	8.402.204.389	5.683.898.356
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.807.305.047	105.670.611.673
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		200.000.000	200.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		200.000.000	200.000.000
II. Tài sản cố định	220		96.638.758.249	96.697.477.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.126.253.086	3.593.008.335
Nguyên giá	222		5.450.617.717	5.300.100.497
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.324.364.631)	(1.707.092.162)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	93.103.884.355	93.104.468.673
Nguyên giá	228		93.143.358.055	93.143.358.055
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.473.700)	(38.889.382)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	408.620.808	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	5.330.431.798	5.525.447.602
Nguyên giá	241		5.850.473.942	5.850.473.942
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(520.042.144)	(325.026.340)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.597.574.773	3.247.687.063
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	2.597.574.773	3.247.687.063
V. Tài sản dài hạn khác	260		40.540.227	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		40.540.227	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		294.040.710.813	291.403.112.169

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		206.097.493.820	207.729.911.726
I. Nợ ngắn hạn	310		181.697.493.820	177.729.911.726
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	90.399.494.691	101.435.480.982
2. Phải trả người bán	312	V.13	40.943.067.466	26.130.931.920
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	7.769.646.198	27.046.442.394
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	861.862.189	73.326.846
5. Phải trả người lao động	315		2.581.667.005	1.799.053.000
6. Chi phí phải trả	316	V.16	32.014.722.883	12.974.861.365
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	2.793.949.201	3.728.271.587
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.333.084.187	4.541.543.632
II. Nợ dài hạn	330		24.400.000.000	30.000.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	V.18	24.400.000.000	30.000.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		87.943.216.993	83.673.200.443
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	87.943.216.993	83.673.200.443
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.241.661.000	32.241.661.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(333.150.000)	(333.150.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.035.270.236	3.658.717.551
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.724.254.585	1.724.254.585
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.275.181.172	6.381.717.307
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		294.040.710.813	291.403.112.169

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
USD		55.580,13	12.995,03
EUR		408,52	2.155,25

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013



ĐẶNG CÔNG NGÔN
Tổng Giám đốc

ĐOÀN TƯỜNG VINH
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

(Có số liệu so sánh năm 2011)

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	210.079.690.925	183.828.281.868
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		210.079.690.925	183.828.281.868
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	167.967.814.283	150.462.067.387
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.111.876.642	33.366.214.481
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	638.258.863	1.330.685.102
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	22.296.530.536	22.836.371.901
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.209.808.735	21.782.698.535
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	843.229.668	723.053.775
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.367.596.157	10.546.975.416
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.242.779.144	590.498.491
11 Thu nhập khác	31		445.769.371	8.339.872.903
12 Chi phí khác	32		2.171.697.117	4.829.141
13 Lợi nhuận khác	40	VI.7	(1.725.927.746)	8.335.043.762
14 Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		(673.812.290)	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.843.039.108	8.925.542.253
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.196.469.873	1.394.488.553
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.646.569.235	7.531.053.700
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.168	1.891



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013

ĐẶNG CÔNG NGÔN
Tổng Giám đốc

ĐOÀN TƯỜNG VINH
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

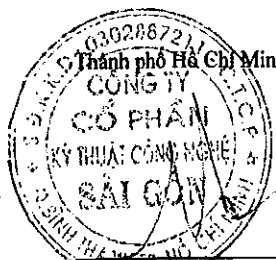
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		5.843.039.108	8.925.542.253
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		812.872.591	534.197.852
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		72.414.944	231.715.045
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(624.903.060)	(475.652.446)
- Chi phí lãi vay	06		22.209.808.735	21.782.698.535
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu</i>	<i>08</i>		<i>28.313.232.318</i>	<i>30.998.501.239</i>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(27.142.925.764)	(54.440.930.451)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.867.936.336	(5.259.453.463)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải				
- trả, thuế TNDN phải nộp)	11		6.969.896.193	38.351.845.841
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(35.104.936)	(18.817.791)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.749.159.101)	(21.782.698.535)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		23.671.900.619	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(21.968.344.247)	(419.576.658)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.072.568.582)	(12.571.129.818)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(559.138.028)	(2.502.867.821)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		650.112.290	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		624.903.060	475.652.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		715.877.322	(2.027.215.375)
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(60.000.000)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		119.125.789.779	161.202.645.755
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(135.761.776.070)	(121.754.974.804)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.966.685.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.635.986.291)	33.420.985.951
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19.992.677.551)	18.822.640.758
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		21.708.602.138	2.885.961.380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(72.414.944)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	1.643.509.643	21.708.602.138



DẶNG CÔNG NGÒN
Tổng Giám đốc

ĐOÀN TƯỜNG VINH
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, chuyển giao công nghệ trọn gói hoặc từng phần theo hình thức EPC (thiết kế, cung cấp, lắp đặt), BOT (xây dựng, vận hành, chuyển giao), BT (xây dựng, chuyển giao),... trong các lĩnh vực:

- Dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Nhiệt lạnh;
- Điện tử; Tự động hóa; Công nghệ thông tin;
- Cấp, thoát nước;
- Xử lý môi trường;
- Xây dựng công nghiệp, cơ sở hạ tầng (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng biển, sân bay...).

Tư vấn, giám sát, thẩm định, kiểm định, đào tạo trong các lĩnh vực hoạt động trên.

Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các công trình công ích và bất động sản.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 100 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2011: 89 người).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Thị trường Bất động sản đóng băng, lãi suất cho vay tăng nên ảnh hưởng đến các yếu tố chi phí đầu vào và tính thanh khoản nợ phải thu của Công ty.

6. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất: số lượng 1 công ty

- Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn - Hà Nội
 - + Địa chỉ: Số 9 ngõ 125 Phố Trung Kính, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100,00%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết được hợp nhất

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn
 - + Địa chỉ: Số 95 Điện Biên Phủ, phường Đakao, quận 1, TP. HCM
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 39,00%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 39,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ mười của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Việt Nam Đồng trong năm được chuyển đổi sang Đồng Dollar Mỹ (USD) theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Tỷ giá để sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD

Ngày 31/12/2012 là: 20.828 VND/USD

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh theo yêu cầu của Thông tư này tại các Thuyết minh VII.2.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	3 - 7
Thiết bị văn phòng	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7
Tài sản khác	3 - 4

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

14. Các khoản đầu tư chứng khoán

Thuyết minh này là một phần hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng, đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các loại chứng khoán đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục "Chi phí tài chính".

15. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

16. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu ghi nhận theo hợp đồng, và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

18. Hợp đồng xây dựng

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

19. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	115.444.516	52.807.359
Tiền gửi ngân hàng	1.528.065.127	21.655.794.779
Cộng	1.643.509.643	21.708.602.138

2. Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn	16.827.039.662	16.827.039.662
Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn	6.920.608.332	22.749.298.875
Công ty Xây lắp và CN Tàu thủy Miền Trung (*)	60.128.734.852	60.128.734.852
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	3.769.806.925	8.797.401.032
Công ty TNHH Kỹ thuật & Xây dựng IREKA (Việt Nam)	42.353.490.563	-
Khách hàng khác	27.351.372.192	22.945.187.113
Cộng	157.351.052.526	131.447.661.534

(*) Khoản được đảm bảo thanh toán bằng toàn bộ tài sản của Công ty Xây lắp và CN Tàu thủy Miền Trung theo công văn số 93/CV-THA của Chi Cục thi hành án dân sự Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng ngày 13 tháng 3 năm 2012. Vì vậy, Công ty không trích lập dự phòng.

3. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Seatecco	1.304.296.150	1.804.296.150
Công ty Liên doanh Cấp Taihan Sacom	-	2.805.515.878
Công ty TNHH XD TM Phú Gia Sinh	2.237.110.172	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Năng lượng Sài Gòn	8.322.277	1.420.650.000
Khách hàng khác	2.538.283.461	3.918.431.496
Cộng	6.088.012.060	9.948.893.524

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn	426.393.330	400.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đăng Công Cường	1.850.000.000	-
Khác	6.252.124	80.000.000
Cộng	2.282.645.454	480.000.000
5. Hàng tồn kho		
Công cụ, dụng cụ	17.107.650	17.107.650
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.191.870.283	15.059.806.619
Hàng hóa	233.426.940	233.426.940
Cộng	13.442.404.873	15.310.341.209
6. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng nhân viên	1.314.080.995	666.792.655
Ký quỹ bảo lãnh công trình	7.088.123.394	5.017.105.701
Cộng	8.402.204.389	5.683.898.356
7. Tài sản cố định hữu hình		

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.036.549.340	465.664.721	2.718.902.000	877.878.817	201.105.619	5.300.100.497
Tăng trong năm	-	-	-	113.789.946	36.727.274	150.517.220
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.036.549.340	465.664.721	2.718.902.000	991.668.763	237.832.893	5.450.617.717
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	142.525.548	244.690.353	539.616.286	681.625.981	98.633.994	1.707.092.162
Khấu hao trong năm	51.827.472	75.782.269	322.857.144	126.162.242	40.643.342	617.272.469
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	194.353.020	320.472.622	862.473.430	807.788.223	139.277.336	2.324.364.631
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	894.023.792	220.974.368	2.179.285.714	196.252.836	102.471.625	3.593.008.335
Số cuối năm	842.196.320	145.192.099	1.856.428.570	183.880.540	98.555.557	3.126.253.086

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	93.103.884.355	39.473.700	93.143.358.055
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	93.103.884.355	39.473.700	93.143.358.055
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	38.889.382	38.889.382
Tăng trong năm	-	584.318	584.318
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	39.473.700	39.473.700
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.103.884.355	584.318	93.104.468.673
Số cuối năm	93.103.884.355	-	93.103.884.355

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP HCM để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng (xem thuyết minh V.13).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Sửa chữa lớn văn phòng làm việc	-	408.620.808	-	-	408.620.808
Cộng	-	408.620.808	-	-	408.620.808

10. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	5.850.473.942	5.850.473.942
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	5.850.473.942	5.850.473.942
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	325.026.340	325.026.340
Khấu hao trong năm	195.015.804	195.015.804
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	520.042.144	520.042.144
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	5.525.447.602	5.525.447.602
Số cuối năm	5.330.431.798	5.330.431.798

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 95 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, TP HCM để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (xem thuyết minh V.13).

11. Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.597.574.773	3.247.687.063
Cộng	2.597.574.773	3.247.687.063

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và kỹ thuật Sài Gòn	95 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Tp HCM	39	39

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309709722 ngày 26/01/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn 39 tỷ đồng, tương đương 39% vốn điều lệ. Đến thời điểm này Công ty đã thực góp 4,7 tỷ đồng.

12. Vay và nợ ngắn hạn

Ngân hàng	90.259.494.691	101.435.480.982
- Ngân hàng BIDV (1)	23.647.499.917	-
- Ngân hàng Việt Á (2)	55.591.992.160	52.043.319.000
- Ngân hàng An Bình (3)	3.490.822.885	-
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam (4)	7.529.179.729	49.392.161.982
Vay cá nhân	140.000.000	-
Ông Vũ Đức Nguyên (5)	140.000.000	-
Cộng	90.399.494.691	101.435.480.982

(1) Ngân hàng BIDV

Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 48/2012/HĐ ngày 13 tháng 4 năm 2012

Hạn mức tín dụng:	80.000.000.000 VND
Mục đích sử dụng vốn vay:	Bổ sung vốn lưu động .
Thời hạn hạn mức cho vay:	12 tháng .
Thời hạn vay:	Theo từng Khế ước nhận nợ .
Lãi suất tiền vay:	Theo từng Khế ước nhận nợ.
Tài sản đảm bảo:	

- Quyền sử dụng đất tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 95 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, TP HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(2) Ngân hàng Việt Á

Hợp đồng 16/10/DN/VAB-SGD/HĐHM ngày 30/3/2010

Hạn mức được duyệt: 58.600.000.000 VND.
Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh .
Thời hạn hạn mức cho vay: 24 tháng.
Lãi suất tiền vay: Theo từng Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, TP HCM trị giá 104.000.000.000 VND;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 95 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM trị giá 13.500.000.000 VND.

(3) Ngân hàng An Bình

Hợp đồng cấp hạn mức số 1650/12/TD/L.17 ngày 20 tháng 11 năm 2012

Hạn mức tín dụng: 3.500.000.000 VND.
Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C .
Thời hạn vay: 12 tháng.
Lãi suất tiền vay: Theo từng Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

- Sổ tiết kiệm tại ngân hàng ABBank
- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 90 Nguyễn Công Trứ, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP HCM;
- Thư bảo lãnh của Ông Đặng Công Ngôn (CMND số 024424983) .

(4) Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Vay ngắn hạn theo hợp đồng Nguyên tắc số 11.163002-01/HĐTDCT ngày 08/4/2011

Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tính dụng Nguyên tắc số 11.163003/HĐTDNT ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Hạn mức được duyệt: 49.500.000.000 VND.
Mục đích sử dụng vốn vay: Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện động lực, chiếu sáng (Giai đoạn 1). Thuộc dự án: Bệnh viện đa khoa Quốc tế Miền Đông.
Thời hạn cho vay: 6 tháng .
Lãi suất tiền vay: Theo từng Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

- Quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ của hợp đồng số 01/BECMEX-TG ngày 26/7/2011 với Tổng Công ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp - TNHH Một Thành Viên trị giá 59.500.000.000 VND .
- Tài sản riêng của Ông Đặng Công Ngôn và Bà Nguyễn Thị Thu Trang là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 38 Huỳnh Tịnh Của, phường 8, quận 3, TP HCM trị giá 4.798.000.000 VND .

(5) Khoản vay Ông Vũ Đức Nguyên theo hợp đồng vay số:001/HDVT/TECHGEL/2012 ngày 1 tháng 10 năm 2012 với lãi suất 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ams Ferrari S.r.i	5.844.057.591	11.387.208.976
Shanghai Nanyang Electrical Equipment Co.,LTD	1.845.743.698	1.842.912.260
Pioneer Machinery Co.,Ltd	2.810.551.240	2.806.239.752
Long Durable Machinery Co., Ltd (Taiwan)	917.214.200	915.807.160
Công ty TNHH Powerwell Việt Nam	4.861.845.639	-
Nhà cung cấp khác	24.663.655.098	9.178.763.772
Cộng	<u>40.943.067.466</u>	<u>26.130.931.920</u>

14. Người mua trả tiền trước

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	-	25.500.000.000
Danieli & C Officine Meccaniche S.P.A	7.364.567.200	624.840.000
Khách hàng khác	405.078.998	921.602.394
Cộng	<u>7.769.646.198</u>	<u>27.046.442.394</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(708.945.812)	1.662.853.145	923.596.220	30.311.113
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	961.454.744	961.454.744	-
Thuế xuất, nhập khẩu	21.460.284	185.301.712	206.761.996	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(425.340.132)	1.196.469.873	-	771.129.741
Thuế thu nhập cá nhân	51.866.562	656.566.074	648.011.301	60.421.335
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>		<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	-
Cộng	<u>(1.060.959.098)</u>	<u>4.672.645.548</u>	<u>2.744.824.261</u>	<u>861.862.189</u>

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng : 10%

• **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	6.460.649.634	-
Chi phí công trình	25.554.073.249	12.974.861.365
Cộng	32.014.722.883	12.974.861.365

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	37.685.592	21.551.780
Bảo hiểm xã hội	104.038.752	-
Bảo hiểm y tế	19.507.266	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.669.896	-
Công ty Xây lắp và CN Tàu thủy Miền Trung	2.603.205.374	2.603.205.374
Đăng Công Cường	-	1.090.000.000
Phải trả khác	20.842.321	13.514.433
Cộng	2.793.949.201	3.728.271.587

18. Vay và nợ dài hạn

<i>Vay dài hạn</i>	-	-
- Vay ngân hàng Việt Á	24.400.000.000	30.000.000.000
Cộng	24.400.000.000	30.000.000.000

Hợp đồng vay số : 1680/DS1/HDTH-VAB ngày 15 tháng 01 năm 2008

Hợp đồng vay số : 16/10/DN/VAB-SGD/HDHM ngày 30 tháng 03 năm 2010

Số tiền cho vay: 70.000.000.000 VND

Mục đích vay: Mua căn nhà số 30, Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, TP HCM.

Thời hạn vay: 84 tháng

Lãi suất cho vay: 21,50%

TS đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP HCM trị giá 77.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	40.000.000.000	32.241.661.000	(333.150.000)	3.658.717.551	1.724.254.585	6.381.717.307	83.673.200.443
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.646.569.235	4.646.569.235
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	376.552.685	-	(376.552.685)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm	-	-	-	-	-	(376.552.685)	(376.552.685)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	40.000.000.000	32.241.661.000	(333.150.000)	4.035.270.236	1.724.254.585	10.275.181.172	87.943.216.993

(*) Công ty trích lập quỹ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012, ngày 7 tháng 4 năm 2012 với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	22.210	22.210
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.210	22.210
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.977.790	3.977.790
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	436.092.730	12.163.637.681
Doanh thu bán các thành phẩm	209.299.367.235	171.304.055.424
Doanh thu kinh doanh bất động sản	344.230.960	360.588.763
Cộng doanh thu	210.079.690.925	183.828.281.868

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	-	9.406.167.027
Giá vốn bán các thành phẩm	167.772.798.479	140.860.884.556
Giá vốn kinh doanh bất động sản	195.015.804	195.015.804
Cộng	<u>167.967.814.283</u>	<u>150.462.067.387</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	624.903.060	475.652.446
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	13.355.803	351.093.284
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	503.939.372
Cộng	<u>638.258.863</u>	<u>1.330.685.102</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	22.209.808.735	21.782.698.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	14.306.857	318.018.949
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	72.414.944	735.654.417
Cộng	<u>22.296.530.536</u>	<u>22.836.371.901</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí bảo hành	506.256.684	433.530.607
Chi phí trước dự án	336.972.984	265.443.986
Chi phí bằng tiền khác	-	24.079.182
Cộng	<u>843.229.668</u>	<u>723.053.775</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	7.663.112.018	7.947.053.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	183.379.706	156.797.808
Chi phí khấu hao TSCĐ	617.856.787	339.182.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.472.305.439	1.781.887.642
Chi phí bằng tiền khác	430.942.207	322.054.909
Cộng	<u>11.367.596.157</u>	<u>10.546.975.416</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ hư hỏng	6.000.000	-
Thu phần tăng thêm hợp đồng xây lắp	-	8.329.629.443
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	277.203.120	-
Thu do chiết khấu thanh toán	135.638.494	-
Khác	26.927.757	10.243.460
Cộng	445.769.371	8.339.872.903
Chi phí khác		
Chi phí tư vấn pháp lý	10.000.000	-
Chi phí bị phạt vi phạm hợp đồng	2.146.694.117	4.829.141
Chi phí khác	15.003.000	-
Cộng	2.171.697.117	4.829.141
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(1.725.927.746)	8.335.043.762

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.267.614.667	147.094.876.833
Chi phí nhân công	13.875.193.041	11.829.316.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	617.856.787	534.197.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.587.108.282	7.058.920.722
Chi phí khác bằng tiền	767.915.191	23.310.609.850
Cộng	178.115.687.968	189.827.921.942

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
Hội đồng quản trị	Thành viên	Cho mượn	1.850.000.000	1.850.000.000
Hội đồng quản trị	Thành viên	Mượn tiền	1.420.000.000	-
Hội đồng quản trị	Thành viên	Tiền lương, thưởng	904.635.542	-
Ngân hàng Việt Á	Cổ đông	Vay vốn	18.142.180.160	79.991.992.160

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá khác

Công ty không có rủi ro về giá khác.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	90.399.494.691	-	-	90.399.494.691
Phải trả cho người bán	40.943.067.466	-	-	40.943.067.466
Chi phí phải trả	32.014.722.883	-	-	32.014.722.883
Các khoản phải trả khác	2.793.949.201	-	-	2.793.949.201
Vay dài hạn	-	24.400.000.000	-	24.400.000.000
Cộng	166.151.234.241	24.400.000.000	-	190.551.234.241
Số đầu năm				
Vay và nợ	101.435.480.982	-	-	101.435.480.982
Phải trả cho người bán	26.130.931.920	-	-	26.130.931.920
Chi phí phải trả	12.974.861.365	-	-	12.974.861.365
Các khoản phải trả khác	3.728.271.587	-	-	3.728.271.587
Vay dài hạn	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Cộng	144.269.545.854	30.000.000.000	-	174.269.545.854

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.643.509.643	-	-	1.643.509.643
Phải thu khách hàng	157.351.052.526	-	-	157.351.052.526
Tài sản ngắn hạn khác	8.402.204.389	-	-	8.402.204.389
Phải thu dài hạn khác	-	200.000.000	-	200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	2.597.574.773	2.597.574.773
Cộng	167.396.766.558	200.000.000	2.597.574.773	170.194.341.331

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số đầu năm

Tiền và các khoản trương đương tiền	21.708.602.138	-	-	21.708.602.138
Phải thu khách hàng	131.447.661.534	-	-	131.447.661.534
Tài sản ngắn hạn khác	5.683.898.356	-	-	5.683.898.356
Phải thu dài hạn khác	-	200.000.000	-	200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	3.247.687.063	3.247.687.063
Cộng	158.840.162.028	200.000.000	3.247.687.063	162.287.849.091

3. Thông tin so sánh

Số đầu năm của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013



ĐẶNG CÔNG NGÔN
 Tổng Giám đốc

ĐOÀN TƯỜNG VINH
 Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2013

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đoàn Tường Vinh

TRƯỞNG BKS

Huỳnh Hữu Lộc

CHỦ TỊCH HĐQT

KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC



Đặng công Ngôn